

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2018

“Về việc: Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Luận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kiên Nhân
2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long:
không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Trường G, sinh năm 1986 – có mặt

- Bị đơn: Chị Lê Thị Bích H, sinh năm 1990 – vắng mặt

Cùng nơi cư trú: Ấp 9, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Trường G trình bày:

Anh Phan Trường G và chị Lê Thị Bích H kết hôn vào **năm 2008** hôn nhân do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Thời gian sống chung hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn rồi ly thân từ 02/2018 đến nay.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo anh G trình bày: Vợ chồng có bất đồng trong quan điểm trong đời sống về kinh tế, tính tình không hợp nhau nên không còn tình cảm.

Về con chung: Anh G trình bày có 02 người con chung tên Phan Trường Cẩm L, sinh ngày 04/7/2009 và cháu Phan Trường Hữu T, sinh ngày 28/4/2012, hiện nay do anh G đang trực tiếp nuôi dưỡng. Từ khi ly thân đến nay chị H giao lại cho anh G nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh G yêu cầu xin được ly hôn với chị Hợp. **Về con chung:** yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa giải quyết.

* Bị đơn là chị H: Căn cứ vào các Điều 196, 199, 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng cho chị H, nhưng chị H vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan để đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:

Do vụ việc không thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình không có ý kiến và không tham gia phiên tòa sơ thẩm trong vụ việc này.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

+ Nguyên đơn là anh G đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án bao gồm: Đơn khởi kiện; Giấy khai sinh con; Giấy chứng minh nhân dân; Đơn xác nhận nơi cư trú; bản sao giấy chứng minh nhân dân; 01 bản tự khai.

+ Bị đơn không có nộp chứng cứ tài liệu gì cho Tòa án.

- *Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:*

+ Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên anh G và chị H tiến đến hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T.

+ Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh thì Phan Trường Cẩm L, sinh ngày 04/7/2009 và cháu Phan Trường Hữu T, sinh ngày 28/4/2012 là con chung của anh G và chị H. Bởi vì, Giấy khai sinh mà anh G cung cấp thì phần ghi tên mẹ là Lê Thị Bích H và tên cha Phan Trường G.

- *Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:*

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và qua hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho nhưng chị Hợp không có ý kiến gì bằng văn bản và cũng không đến tham dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện anh G yêu cầu ly hôn với chị H là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

* Về trình tự, thủ tục tố tụng: Căn cứ vào các Điều 196, 199, 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H, nhưng chị H vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan để đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với chị H.

[2] Về nội dung vụ án: Anh G yêu cầu xin được ly hôn với chị H. **Về con chung:** anh G yêu cầu nuôi con chung tên Phan Trường Cẩm L, sinh ngày 04/7/2009 và cháu Phan Trường Hữu T, sinh ngày 28/4/2012 và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và Về nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

[3] Xét về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên anh G và chị H tiến đến hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.

Anh G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị H là có cơ sở xem xét. Bởi vì, vợ chồng có bất đồng trong quan điểm trong đời sống về kinh tế, tính tình không hợp nhau nên không còn tình cảm nên từ tháng 02/2018 ly thân cho đến nay không về đoàn tụ lại.

Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh G đối với chị H theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ;

[4] Xét về con chung: Anh Giang yêu cầu nuôi dưỡng cháu Phan Trường Cẩm L, sinh ngày 04/7/2009 và cháu Phan Trường Hữu T, sinh ngày 28/4/2012, Anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của anh G là có cơ sở xem xét. Bởi lẽ, từ khi ly thân đến nay cháu Phan Trường Cẩm L, sinh ngày 04/7/2009 và cháu Phan Trường Hữu T, sinh năm: 28/4/2012 do anh G nuôi dưỡng và cháu L có bản khai ý kiến sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng sống chung anh G. Do vậy. Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin nuôi con của anh G là có căn cứ đúng pháp luật.

Vậy tiếp tục giao cháu Phan Trường Cẩm L, sinh ngày 04/7/2009 và cháu Phan Trường Hữu T, sinh ngày 28/4/2012 cho anh G được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

[5] Xét về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh G phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N_o 0010953 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Trường Giang.

- Về hôn nhân: Cho anh Phan Trường G được ly hôn với chị Lê Thị Bích H.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phan Trường Cẩm L, sinh ngày 04/7/2009 và cháu Phan Trường Hữu T, sinh ngày 28/4/2012 cho anh G nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh G phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N_o 0010953 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Ngọc Luận